

Các định nghĩa về Học bạ (SRC) 2021–22

Các học khu và trường nhận được xếp hạng tổng thể, cũng như xếp hạng cho từng lĩnh vực. Các nhân đánh giá cho các huyện và cơ sở như sau.

- **A, B hoặc C:** Được chỉ định cho hiệu suất tổng thể và cho hiệu suất trong từng lĩnh vực cho các học khu và các trường (bao gồm cả những trường được đánh giá theo trách nhiệm giải trình giáo dục thay thế [AEA]) mà đáp ứng mục tiêu thực hiện cho lớp thứ.
- **Không được xếp hạng: Dự luật Thượng viện 1365:** Được chỉ định vào năm 2022 để thực hiện tổng thể cho các học khu và trường không đáp ứng mục tiêu hiệu suất để kiếm được ít nhất một điểm C.
- **Không được xếp hạng:** Dữ liệu đang được xem xét cho biết độ chính xác hoặc tính toàn vẹn của dữ liệu có thể đã bị xâm phạm kết quả hoạt động, làm cho nó không thể chỉ định một đánh giá. Việc chỉ định Không được xếp hạng: Nhân Data Under Review là tạm thời trong khi dữ liệu được xem xét.
- **Không được xếp hạng:** Các vấn đề về tính toàn vẹn của dữ liệu cho thấy độ chính xác hoặc tính toàn vẹn của dữ liệu đã bị xâm phạm kết quả hoạt động, làm cho nó không thể chỉ định một đánh giá. Việc chỉ định Không được xếp hạng: Nhân Vấn đề về tính toàn vẹn của dữ liệu là vĩnh viễn.
- **Không được xếp hạng:** Việc sáp nhập cho thấy trường đang trong năm học đầu tiên sau khi sáp nhập bởi một quận khác và do đó, không được xếp hạng, như được cho phép bởi thỏa thuận sáp nhập với hãng.
- **Không được xếp hạng:** Cho biết rằng một khu học chánh hoặc trường không nhận được xếp hạng cho một hoặc nhiều. Những lý do sau:
 - o Khu học chánh hoặc trường không có dữ liệu trong tập hợp con trách nhiệm giải trình.
 - o Học khu hoặc trường không có đủ dữ liệu để chỉ định xếp hạng.
 - o Học khu chỉ điều hành các cơ sở dân cư.
 - o Trường là một chương trình giáo dục thay thế tư pháp vị thành niên (JJAEP).
 - o Trường là một chương trình giáo dục kỷ luật thay thế (DAEP).
 - o Khuôn viên là một cơ sở dân cư.
 - o Ủy viên quyết định rằng học khu hoặc trường sẽ không được xếp hạng

Thông tin bổ sung có sẵn trong Sổ tay trách nhiệm giải trình năm 2022.

Tỷ lệ bỏ học hàng năm: Tỷ lệ bỏ học hàng năm (Gr 9–12) chỉ được báo cáo cho các trường trung học. Tỷ lệ bỏ học hàng năm là số học sinh bỏ học (từ lớp 9–12) được biểu thị bằng phần trăm của số học sinh đi học từ lớp 9–12 vào bất kỳ thời điểm nào trong năm học 2020–21 hoặc 2019–20.

Tỷ lệ có mặt: Tỷ lệ phần trăm số ngày mà học sinh có mặt dựa trên sự có mặt của học sinh trong cả năm học. Chỉ học sinh từ lớp 1 đến lớp 12 mới được tính.

Quy mô lớp học trung bình: Sĩ số lớp học được tính toán từ lịch trình lớp học của giáo viên. Ví dụ, tổng số sinh viên trong khoa học được chia cho số lớp khoa học. Các lớp tiểu học được thể hiện theo cấp lớp; các lớp trung học được thể hiện theo chủ đề.

Sẵn sàng cho Đại học, Nghề nghiệp và Quân sự: Tỷ lệ phần trăm học sinh tốt nghiệp hàng năm đã chứng minh học đại học, nghề nghiệp, hoặc sẵn sàng nhập ngũ (CCMR) bằng cách đáp ứng ít nhất một trong chín tiêu chí được cung cấp trong Chương 2 của sổ tay trách nhiệm giải trình năm 2022. Xin lưu ý, kết quả CCMR cho dữ liệu nhập ngũ năm 2020–21 là loại trừ khỏi tính toán trách nhiệm giải trình.

Danh hiệu xuất sắc: Danh hiệu xuất sắc được trao để công nhận sự xuất sắc

Thành tích trong các lĩnh vực cụ thể. Khó khăn về kinh tế: Tỷ lệ học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế là số học sinh đủ điều kiện nhận bữa trưa miễn phí hoặc giảm giá hoặc các khoản trợ cấp công cộng khác chia cho tổng số học sinh.

Song ngữ nổi bật / EL: Học sinh có ngôn ngữ chính không phải là tiếng Anh và đang trong quá trình học tiếng Anh.

Chi tiêu cho mỗi học sinh: Đây được tính bằng tổng chi tiêu cho 2020–21 chia cho tổng số thành viên cho 2019–20. Để biết thêm thông tin, liên hệ với văn phòng tài chính trường học theo số 512-463-9238. Để có báo cáo chi tiết, hãy xem báo cáo thực tế tài chính PEIMS 2020–21 tại <http://tea.texas.gov/financialstandardreports/>.

Tỷ lệ tốt nghiệp liên bang (4 năm): Chỉ số này cho biết tình trạng của học sinh sau bốn năm trung học và sử dụng định nghĩa bỏ học của Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia (NCES) và cách tính tỷ lệ tốt nghiệp của liên bang. Để biết thêm thông tin, hãy xem báo cáo Hoàn thành và Bỏ học Trung học ở các Trường Công lập Texas, 2020-21.

Tỷ lệ chi tiêu cho giảng dạy: Tỷ lệ này được tính bằng chi phí giảng dạy và chi phí liên quan cho 2020–21 chia cho tổng chi tiêu cho 2020–21. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với Văn phòng tài chính trường học 512-463-9238. Để có báo cáo chi tiết, hãy xem Báo cáo thực tế tài chính PEIMS 2020-2021 tại <http://tea.texas.gov/financialstandardreports/>.

Phần trăm nhân viên giảng dạy: Phần trăm nhân viên toàn thời gian (FTE) của học khu có chức năng công việc là cung cấp hướng dẫn trực tiếp trong lớp học cho học sinh trong năm học 2020–21. Để biết thêm thông tin, liên hệ với Văn phòng Tài chính Trường học theo số 512-463-9238.

Tỷ lệ đọc: Các chỉ số này cho biết tình trạng của học sinh sau bốn năm ở trường trung học (Tỷ lệ theo chiều dọc 4 năm), sau năm năm ở trường trung học (Tỷ lệ theo chiều dọc mở rộng 5 năm), hoặc sau sáu năm ở trường trung học (6 năm Tỷ lệ dọc mở rộng). Tỷ lệ bốn năm bao gồm những học sinh lần đầu tiên học lớp chín vào năm 2017–18, thể hiện tình trạng cuối cùng của họ với Lớp năm 2021. Tỷ lệ năm năm bao gồm những học sinh lần đầu tiên học lớp chín vào năm 2016–17, cho thấy tình trạng cuối cùng của họ ở cuối năm 2021. Tỷ lệ sáu năm bao gồm các học sinh lần đầu tiên học lớp chín vào năm 2015-16, cho biết tình trạng cuối cùng của họ vào cuối năm 2021. Tỷ lệ này cho thấy tỷ lệ học sinh đã tốt nghiệp, nhận được Chứng chỉ Tương đương Trung học Texas (TxCHSE), tiếp tục học trung học, hoặc bỏ học.

Thành viên: Xem tổng số sinh viên.

Tỷ lệ di chuyển: Tỷ lệ phần trăm học sinh đã là thành viên của một trường học dưới 83 phần trăm của năm học (tức là, bỏ lỡ sáu tuần hoặc nhiều hơn).

Chủng tộc / Dân tộc: Học sinh được báo cáo là Người Mỹ gốc Phi, Người Tây Ban Nha, Người da trắng, Người Mỹ da đỏ, Người châu Á, Đảo Thái Bình Dương và hai hoặc nhiều chủng tộc.

Sinh viên tốt nghiệp RHSP / DAP: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, sau bốn năm, được báo cáo là đã đáp ứng các yêu cầu của khóa học đối với Chương trình Trung học Khuyến nghị (RHSP) hoặc Chương trình Thành tích Xuất sắc (DAP). Nó không bao gồm sinh viên tốt nghiệp FHSP.

Sinh viên tốt nghiệp RHSP / DAP / FHSP-E / FHSP-DLA: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, sau bốn năm, được báo cáo là đã đáp ứng các yêu cầu của khóa học cho Chương trình Trung học được Đề xuất (RHSP), Chương trình Thành tích Xuất sắc (DAP), Dự bị Trung học Chương trình Trường học (FHSP) với sự chứng thực (FHSP-E) hoặc mức độ thành tích phân biệt (FHSP-DLA).

Kết quả SAT / ACT: Báo cáo cung cấp ba chỉ số: (1) Đã kiểm tra cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp khóa 2020–21 và 2019–20 đã thi SAT hoặc ACT, (2) Điểm SAT trung bình cho năm 2019–20 và 2020–21 sinh viên tốt nghiệp, và (3) Điểm ACT trung bình cho sinh viên tốt nghiệp năm 2019–20 và 2020–21.

Giáo dục Đặc biệt: Số học sinh được phục vụ trong các chương trình giáo dục đặc biệt.

STAAR: Đánh giá Sẵn sàng Học tập của Bang Texas (STAAR®) là một chương trình kiểm tra toàn diện dành cho học sinh trường công lập từ lớp 3 đến lớp 8 hoặc các khóa học trung học với các bài đánh giá cuối khóa (EOC). Chương trình STAAR được thiết kế để đo lường mức độ học sinh đã học, đã hiểu và có thể áp dụng các khái niệm và kỹ năng được mong đợi ở mỗi cấp lớp được kiểm tra, hoặc sau mỗi khóa học có đánh giá EOC. Học sinh được đánh giá về đọc (lớp 3–8), toán (lớp 3–8), viết (lớp 4 và 7), khoa học (lớp 5 và 8), và nghiên cứu xã hội (lớp 8). Các bài đánh giá cuối khóa được thực hiện cho Tiếng Anh I và II, Đại số I, Sinh học và Lịch sử Hoa Kỳ. Các thước đo cho STAAR được hiển thị: Phần trăm STAAR ở mức Tiếp cận Cấp độ Chuẩn trở lên, Đạt Chuẩn Cấp độ Chuẩn trở lên và Cấp độ Thạc sĩ. Định nghĩa 2020–21 Học bạ (SRC) Texas Education Agency | Quản trị và Trách nhiệm giải trình | Báo cáo Hiệu suất 3 của 3

Tổng số học sinh: Đây là tổng số học sinh trường công lập được báo cáo là thành viên vào ngày 30 tháng 10 năm 2020, ở bất kỳ cấp lớp nào từ giáo dục mầm non đến lớp 12. Tư cách thành viên khác với đăng ký vì không bao gồm học sinh được học khu phục vụ trong ít hơn hai giờ mỗi ngày. Ví dụ: tổng số học sinh không bao gồm học sinh theo học trường ngoài công lập nhưng nhận được một số dịch vụ, chẳng hạn như trị liệu ngôn ngữ, trong ít hơn hai giờ mỗi ngày từ trường công tại địa phương của họ.

Các ký hiệu đặc biệt: SRC 2020–21 sử dụng các ký hiệu đặc biệt sau:

- Dấu hoa thị (*) được sử dụng để che dấu các số nhỏ để tuân thủ Đạo luật Quyền riêng tư và Quyền Giáo dục Gia đình (FERPA) của liên bang.
- Dấu gạch ngang (-) cho biết không có quan sát nào được báo cáo cho nhóm này.
- n / a chỉ ra rằng dữ liệu không có sẵn hoặc không thể áp dụng được.
- Dấu chấm hỏi (?) Cho biết dữ liệu không thể thống kê được hoặc được báo cáo nằm ngoài một phạm vi hợp lý.